

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã thuộc chức năng giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 về việc công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 96/TTr-LĐTBXH ngày 04/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 11 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, 05 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc chức năng giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung quyết định lên Trang văn bản pháp luật của tỉnh tại địa chỉ <http://qppl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (kèm bản mềm đến địa chỉ email:

thaonv@quangnam.gov.vn và binhht@quangnam.gov.vn), Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện tại Bộ phận Một cửa và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC (niêm yết);
- Trung tâm QTI (QL-VH);
- Các PCVP, Phòng HCTC, KGVX;
- Lưu: VT, KSTTHC (Thảo).

© OpenMarket/OsDcrVnBan 301 Phòng In TT0110100000_CTR0_001 (v.vinh@osdcr.vn)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC CHỨC NĂNG
GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

**1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Lao động
- Thương binh và Xã hội**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện			Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Nộp trực tiếp	Bưu điện	Dịch vụ công		
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN								
1	2.000286.000 .00.00.H47	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	34 ngày làm việc đối với cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với cấp huyện.	x	x	x	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
2	2.000282.000 .00.00.H47	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Trong ngày	x		x	Không	
3	2.000477.000 .00.00.H47	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc	x	x	x	Không	
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN								
1	1.001776.000 .00.00.H47	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc	x	x	x	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021

2	1.001758.000 .00.00.H47	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc	x	x	x	Không	của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
3	1.001753.000 .00.00.H47	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày làm việc	x	x	x	Không	
4	1.001731.000 .00.00.H47	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	x	x	x	Không	
5	2.000777.000 .00.00.H47	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày làm việc	x	x	x	Không	

6	1.001739.000 .00.00.H47	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc	x	x	x	Không	
7	2.000744.000 .00.00.H47	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc	x	x	x	Không	
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ								
1	2.000751.000 .00.00.H47	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc	x	x	x	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	2.000295.000.00.00.H47	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
1	1.000674.000.00.00.H47	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
2	2.000343.000.00.00.H47	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
3	2.000335.000.00.00.H47	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
4	2.002127.000.00.00.H47	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	